

Họ và tên:

Lớp:

Môn: Toán – Lớp 4**Bộ sách: Cánh diều**

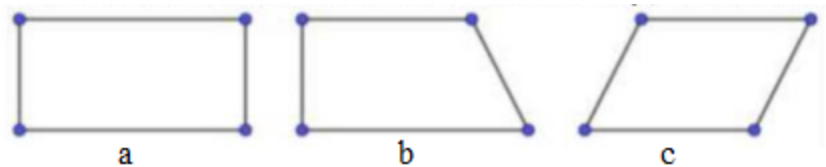
Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM (Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)**Câu 1.** Trong các phân số sau, phân số lớn hơn 1 là:

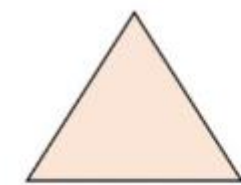
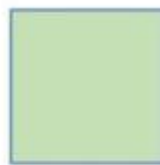
- A. $\frac{3}{4}$ B. $\frac{3}{7}$ C. $\frac{6}{5}$ D. $\frac{11}{12}$

Câu 2. Trong các phân số sau, phân số tối giản là:

- A. $\frac{12}{9}$ B. $\frac{15}{25}$ C. $\frac{7}{9}$ D. $\frac{24}{40}$

Câu 3. Quan sát hình sau:

- A. Hình a là hình chữ nhật, hình c là hình thoi
 B. Hình a là hình chữ nhật, không có hình thoi
 C. Hình b là hình chữ nhật, hình c là hình thoi
 D. Hình a là hình chữ nhật, hình c là hình bình hành

Câu 4. Hình có diện tích lớn nhất là:A. $2m^2 3cm^2$ B. $200dm^2 30mm^2$ C. $2m^2 3dm^2$ **Câu 5.** Một khu đất hình chữ nhật có diện tích là $1\ 000\ m^2$, chiều rộng là 20 m. Chiều dài của khu đất đó là?

- A. 500 m B. 5 m C. 50 m D. 200 m

Câu 6. Người ta mở vòi cho nước chảy vào bể. Giờ thứ nhất, vòi chảy được $\frac{1}{4}$ bể, Giờ thứ hai, vòi chảy được $\frac{1}{2}$ bể. Giờ thứ ba, vòi chảy được $\frac{1}{8}$ bể. Vậy cả ba giờ vòi đó chảy được số phần bể là:

- A. $\frac{3}{4}$ bể B. $\frac{7}{8}$ bể C. $\frac{9}{8}$ bể D. $\frac{5}{8}$ bể

II. TỰ LUẬN**Câu 1.** Điền dấu >, <, =

$\frac{32}{15} \dots \frac{24}{15}$

$1 \dots \frac{20}{19}$

$\frac{2}{3} \dots \frac{2}{4}$

$\frac{12}{14} \dots \frac{3}{7}$

Câu 2. Tính.

a) $\frac{9}{8} + \frac{3}{4} = \dots$

b) $\frac{15}{8} - \frac{3}{8} = \dots$

c) $\frac{7}{15} + \frac{4}{5} = \dots$

Câu 3. Điền số thích hợp vào chỗ chấm.

$21 \text{ dm}^2 = \dots \text{ cm}^2$

$300 \text{ mm}^2 = \dots \text{ cm}^2$

$2 \text{ m}^2 3 \text{ cm}^2 = \dots \text{ cm}^2$

$2 \text{ dm}^2 5 \text{ mm}^2 = \dots \text{ mm}^2$

Câu 4. Một mảnh đất hình chữ nhật có chu vi bằng 40m, chiều rộng là 7m.

a, Tính diện tích mảnh đất hình chữ nhật đó

b, Người ta trồng khoai trên mảnh đất đó. Biết rằng cứ 1 m^2 thu hoạch được 9 kg khoai. Hỏi cả mảnh đất đó thu hoạch được bao nhiêu kg khoai?

.....

.....

.....

.....

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Trong các phân số sau, phân số lớn hơn 1 là:

A. $\frac{3}{4}$

B. $\frac{3}{7}$

C. $\frac{6}{5}$

D. $\frac{11}{12}$

Phương pháp

Phân số có tử số lớn hơn mẫu số thì lớn hơn 1.

Lời giải

Phân số lớn hơn 1 là: $\frac{6}{5}$

Đáp án: C

Câu 2. Trong các phân số sau, phân số tối giản là:

A. $\frac{12}{9}$

B. $\frac{15}{25}$

C. $\frac{7}{9}$

D. $\frac{24}{40}$

Phương pháp

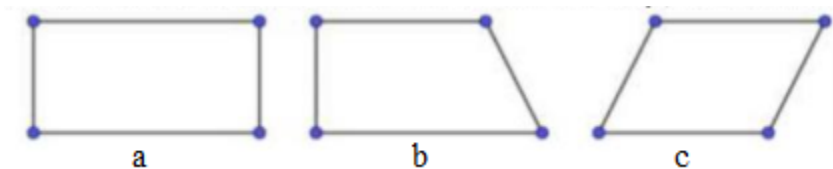
Phân số tối giản là phân số có tử số và mẫu số không cùng chia hết cho số tự nhiên nào lớn hơn 1.

Lời giải

Trong các phân số đã cho, phân số tối giản là: $\frac{7}{9}$

Đáp án: C

Câu 3. Quan sát hình sau:



- A. Hình a là hình chữ nhật, hình c là hình thoi
- B. Hình a là hình chữ nhật, không có hình thoi
- C. Hình b là hình chữ nhật, hình c là hình thoi
- D. Hình a là hình chữ nhật, hình c là hình bình hành

Phương pháp

Dựa vào tính chất của các hình để nhận biết:

Hình thoi có 2 cặp cạnh song song và 4 cạnh bằng nhau

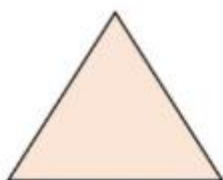
Hình bình hành có 2 cặp song song và bằng nhau

Lời giải

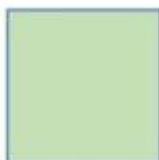
Hình a là hình chữ nhật, hình c là hình bình hành.

Đáp án: D

Câu 4. Hình có diện tích lớn nhất là:



A. $2m^2 3cm^2$



B. $200dm^2 30mm^2$



C. $2m^2 3dm^2$

Phương pháp

Đổi về cùng một đơn vị rồi so sánh diện tích các hình.

Lời giải

Đổi: $200dm^2 30 mm^2 = 2m^2 30 mm^2$

Ta có $30 mm^2 < 3 cm^2 < 3 dm^2$

Vậy $2m^2 3dm^2 > 2m^2 3 cm^2 > 200 dm^2 30 mm^2$

Đáp án: C

Câu 5. Một khu đất hình chữ nhật có diện tích là $1\ 000 m^2$, chiều rộng là $20 m$. Chiều dài của khu đất đó là?

A. $500 m$

B. $5 m$

C. $50 m$

D. $200 m$

Phương pháp

Chiều dài của khu đất = Diện tích : chiều rộng

Lời giải

Chiều dài của khu đất đó là $1\ 000 : 20 = 50 (m)$

Đáp án: C

Câu 6. Người ta mở vòi cho nước chảy vào bể. Giờ thứ nhất, vòi chảy được $\frac{1}{4}$ bể, Giờ thứ hai, vòi

chảy được $\frac{1}{2}$ bể. Giờ thứ ba, vòi chảy được $\frac{1}{8}$ bể. Vậy cả ba giờ vòi đó chảy được số phần bể là:

A. $\frac{3}{4}$ bể

B. $\frac{7}{8}$ bể

C. $\frac{9}{8}$ bể

D. $\frac{5}{8}$ bể

Phương pháp

Số phần bể vôi chảy trong 3 giờ = số phần bể vôi chảy trong giờ thứ nhất + số phần bể vôi chảy trong giờ thứ hai + số phần bể vôi chảy trong giờ thứ ba

Lời giải

Số phần bể vôi chảy trong 3 giờ là $\frac{1}{4} + \frac{1}{2} + \frac{1}{8} = \frac{7}{8}$ (bể)

Đáp án: B

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Điền dấu >, <, =

$$\frac{32}{15} \dots \frac{24}{15}$$

$$1 \dots \frac{20}{19}$$

$$\frac{2}{3} \dots \frac{2}{4}$$

$$\frac{12}{14} \dots \frac{3}{7}$$

Phương pháp

- Phân số có tử số lớn hơn mẫu số thì lớn hơn 1.
- So sánh hai phân số cùng mẫu số: Phân số nào có tử số lớn hơn thì lớn hơn
- Muốn so sánh hai phân số không cùng mẫu số, ta quy đồng mẫu số rồi so sánh hai phân số sau khi quy đồng.

Lời giải

$$\frac{32}{15} > \frac{24}{15}$$

$$1 < \frac{20}{19}$$

$$\frac{2}{3} > \frac{2}{4}$$

$$\frac{12}{14} > \frac{3}{7}$$

Câu 2. Tính.

a) $\frac{9}{8} + \frac{3}{4} = \dots\dots\dots$

b) $\frac{15}{8} - \frac{3}{8} = \dots\dots\dots$

c) $\frac{7}{15} + \frac{4}{5} = \dots\dots\dots$

Phương pháp

- Muốn cộng hai phân số khác mẫu số, ta quy đồng mẫu số hai phân số, rồi cộng hai phân số đó.
- Muốn trừ hai phân số có cùng mẫu số, ta lấy tử số của phân số thứ nhất trừ đi tử số của phân số thứ hai và giữ nguyên mẫu số.

Lời giải

a) $\frac{9}{8} + \frac{3}{4} = \frac{9}{8} + \frac{6}{8} = \frac{15}{8}$

b) $\frac{15}{8} - \frac{3}{8} = \frac{15-3}{8} = \frac{12}{8} = \frac{3}{2}$

c) $\frac{7}{15} + \frac{4}{5} = \frac{7}{15} + \frac{12}{15} = \frac{7+12}{15} = \frac{19}{15}$

Câu 3. Điền số thích hợp vào chỗ chấm.

$$21 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$$

$$300 \text{ mm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$$

$$2 \text{ m}^2 3 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$$

$$2 \text{ dm}^2 5 \text{ mm}^2 = \dots\dots\dots \text{ mm}^2$$

Phương pháp

Áp dụng cách đổi:

$$1 \text{ dm}^2 = 100 \text{ cm}^2 ; 10\ 000 \text{ cm}^2 = 1 \text{ m}^2$$

$$1 \text{ dm}^2 = 10\ 000 \text{ mm}^2 ; 1 \text{ cm}^2 = 100 \text{ mm}^2$$

Lời giải

$$21 \text{ dm}^2 = \mathbf{2\ 100} \text{ cm}^2$$

$$300 \text{ mm}^2 = \mathbf{3} \text{ cm}^2$$

$$2 \text{ m}^2 3 \text{ cm}^2 = \mathbf{20\ 003} \text{ cm}^2$$

$$2 \text{ dm}^2 5 \text{ mm}^2 = \mathbf{20\ 005} \text{ mm}^2$$

Câu 4. Một mảnh đất hình chữ nhật có chu vi bằng 40m, chiều rộng là 7m.

a, Tính diện tích mảnh đất hình chữ nhật đó.

b, Người ta trồng khoai trên mảnh đất đó. Biết rằng cứ 1 m^2 thu hoạch được 9 kg khoai. Hỏi cả mảnh đất đó thu hoạch được bao nhiêu kg khoai?

Phương pháp

a) Tìm nửa chu vi mảnh đất = Chu vi : 2

Chiều dài mảnh đất = Nửa chu vi – chiều rộng

Diện tích mảnh đất = chiều dài x chiều rộng

b) Số kg khoai = Số kg khoai thu được trên 1 m^2 đất x Diện tích mảnh đất

Lời giải

a) Nửa chu vi mảnh đất là:

$$40 : 2 = 20 \text{ (m)}$$

Chiều dài mảnh đất là:

$$20 - 7 = 13 \text{ (m)}$$

Diện tích mảnh đất là:

$$13 \times 7 = 91 \text{ (m}^2\text{)}$$

b) Cả mảnh đất đó thu hoạch được số kg khoai là:

$$91 \times 9 = 819 \text{ (kg)}$$

Đáp số: a) 91 m^2

b) 819 kg